|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH QUẢNG NAM**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**Số: 661/SKHĐT-QHTH | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng Nam, ngày 04 tháng 9 năm 2014* |

|  |
| --- |
| V/v lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.  |

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành;

- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

Theo Công văn số 5318/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3236/UBND-KTTH ngày 13/8/2014 về việc tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; (sau đây gọi tắt là các Sở, ban ngành và các địa phương) sử dụng vốn đầu tư công về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 như sau:

**A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2011-2015:**

Căn cứ vào các nghị quyết của Đảng, của UBND tỉnh về mục tiêu, định hướng phát triển trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, kế hoạch đầu tư phát triển các năm 2011-2015, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2011-2013, ước thực hiện năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015, các Sở, ban ngành và các địa phương đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015 với những nội dung sau:

**I. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011-2015**

Căn cứ tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư phát triển 3 năm 2011-2013, ước thực hiện năm 2014, dự kiến năm 2015, các Sở, ban ngành và các địa phương đánh giá tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015 như sau:

1.Tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2011-2015 so với kế hoạch đã đề ra, trong đó làm rõ tình hình huy động vốn của các thành phần kinh tế khác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án đầu tư công.

2. Các kết quả đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2011-2015 đã đạt được, trong đó làm rõ các kết quả đạt được từ việc đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công, như: Năng lực tăng thêm trong các ngành, lĩnh vực như: giao thông, thủy lợi, điện lực, y tế, trường học,... của các chương trình, dự án; Chất lượng dịch vụ công; Các kết quả đầu tư công tác động tới việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 của cả nước và của bộ, ngành trung ương, địa phương.

3. Các khó khăn, vướng mắc và các tồn tại, hạn chế trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội; phân tích sâu các nguyên nhân khách quan và chủ quan; trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

4. Các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách từ nay đến hết kế hoạch 5 năm 2011-2015.

**II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN GIAI ĐOẠN 2011-2015**

Căn cứ dự toán NSNN và kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN hằng năm, các Sở, ban ngành và địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn từ NSNN (bao gồm nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn cân đối ngân sách địa phương) 5 năm 2011-2015 theo các nội dung dưới đây:

1. Tình hình phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN trong kế hoạch hằng năm và kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2014-2015.

a. Đánh giá việc phân bổ vốn theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2011-2015 do UBND tỉnh và cấp có thẩm quyết định.

b. Kết quả phân bổ vốn kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN hằng năm trong giai đoạn 2011-2015, trong đó làm rõ việc bố trí vốn kế hoạch trước thời điểm ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg và sau khi triển khai thực hiện Chỉ thị này.

2. Tình hình triển khai và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN.

3. Các kết quả đạt được, năng lực tăng thêm theo ngành, lĩnh vực do đầu tư từ nguồn vốn NSNN.

4. Tình hình điều chỉnh tổng mức đầu tư các dự án so với quyết định đầu tư ban đầu; số lượng dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt. Trong đó làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc điều chỉnh dự án.

**III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2011-2015**

Căn cứ các quyết định giao kế hoạch vốn TPCP hằng năm của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các Sở, ban ngành và địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ 5 năm 2011- 2015 như sau:

1. Tình hình phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ hằng năm trong giai đoạn 2011-2015 của các chương trình, dự án giao thông, thủy lợi, y tế, ký túc xá sinh viên, chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên.

2. Tình hình triển khai, thực hiện kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015.

3. Tình hình điều chỉnh, cắt giảm quy mô, tổng mức đầu tư các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ phù hợp với kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ được giao giai đoạn 2011-2015 và bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016.

4. Tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác để lồng ghép thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ.

5. Kết quả thực hiện và năng lực tăng thêm theo ngành, lĩnh vực do đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ.

**IV. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐẦU TƯ NHƯNG CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI, VỐN TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC, VỐN VAY KHÁC CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:**

1. Kế hoạch huy động và sử dụng các nguồn vốn nêu trên trong giai đoạn 2011-2015.

2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư các nguồn vốn này.

3. Tình hình huy động và sử dụng vốn vay khác của ngân sách địa phương theo từng năm trong giai đoạn 2011-2015. Tình hình hoàn trả các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương. Dư nợ các khoản vốn vay của ngân sách địa phương ước đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và dự kiến đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC**

Tình hình thực hiện và giải ngân các khoản vay đầu tư phát triển, trong giai đoạn 2011-2015 và từng năm cụ thể.

- Tình hình hoàn trả các khoản vốn vay, trong đó: hoàn trả các khoản vốn vay cho các chương trình, dự án triển khai trong giai đoạn 2006-2010 trở về trước, hoàn trả các khoản vốn vay cho các chương trình, dự án trong giai đoạn 2011-2015.

- Dư nợ các khoản vốn vay tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- Tình hình nợ xấu và xử lý nợ xấu đối với tín dụng đầu tư phát triển.

**VI. TÌNH HÌNH THỰC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011-2015**

1. Tình hình phân bổ và giao vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015; tình hình huy động nguồn lực và lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu.

2. Tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu 5 năm 2011 - 2015.

3. Các kết quả đạt được các mục tiêu so với mục tiêu đề ra; những khó khăn, vướng mắc và tồn tại, hạn chế; làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

**VII. TÌNH HÌNH XỬ LÝ NỢ ĐỌNG XÂY DỰNG CƠ BẢN**

Căn cứ các quy định về nợ đọng XDCBđược nêu tại khoảng 19, Điều 4 của Luật Đầu tư công, đề nghị các Sở, ban ngành và các địa phương báo cáo tình hình xử lý nợ đọng XDCB trong giai đoạn 2011-2015, danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014. Cụ thể như sau:

1. Tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 và số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Báo cáo cụ thể danh mục và chốt số nợ đọng xây dựng cơ bản trong kế hoạch đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo từng nguồn vốn và dự kiến phương án phân kỳ trả nợ theo quy định trong Luật Đầu tư công.

3. Báo cáo rõ nguyên nhân gây ra nợ đọng xây dựng cơ bản. Kiểm điểm trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan (gắn với trách nhiệm cá nhân) trong việc để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

4. Các giải pháp đã thực hiện xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thời gian qua.

5. Các Sở, ban ngành và các địa phương lưu ý không để phát sinh thêm các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 (thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành).

**B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Căn cứ các quy định tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, đề nghị các Sở, ban ngành và địa phương tổ chức xây dựng kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn NSNN (bao gồm: Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương và kế hoạch đầu tư vốn cân đối ngân sách địa phương); Kế hoạch đầu tư vốn TPCP; Kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN; Kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương theo các quy định dưới đây:

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020**

1. Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015, (bao gồm kế hoạch các năm 2011, 2012, 2013 và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2014-2015) theo từng nguồn vốn quy định tại phần A nêu trên.

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của các ngành và địa phương; mục tiêu ưu tiên đầu tư trong kế hoạch 5 năm 2016-2020 của các ngành và các địa phương.

3. Các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

4. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn và theo ngành, lĩnh vực, chương trình.

5. Dự báo khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư.

6. Cơ chế và chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

**II. NGUYÊN TẮC LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020**

1. Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

2. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác của cả nước, cũng như của từng ngành và địa phương; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành; hoàn trả các khoản vốn NSNN ứng trước kế hoạch; Ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; thanh toán các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản đã quy định tại điểm 2, mục VII, phần A nêu trên.

5. Từ kế hoạch năm 2015 và kế hoạch giai đoạn 2016-2020 các Sở, ban ngành và địa phương phải bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư theo quy định tại Điều 57 của Luật Đầu tư công để:

- Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016-2020;

- Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016-2020.

6. Trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020, đối với từng nguồn vốn, các Sở, ban ngành và địa phương dự kiến dự phòng khoảng 15%, để xử lý:

- Các biến động do trượt giá quá mức dự phòng trong tổng mức đầu tư của dự án;

- Bổ sung vốn đầu tư các dự án khẩn cấp theo quy định tại khoản 14, Điều 4 của Luật Đầu tư công;

- Các vấn đề phát sinh theo quy định tại khoản 6, Điều 54 của Luật Đầu tư công trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn vào từng năm cụ thể.

7. Bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn.

8. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

**III. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020**

**1. Rà soát danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2011-2015 chuyển tiếp và các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020**

***a) Rà soát danh mục dự án chuyển tiếp đang được đầu tư từ vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công***

Các Sở, ban ngành và các địa phương tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án đang được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2011-2015 theo từng nguồn vốn; chia ra nhóm các dự án:

- Danh mục dự án hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn;

- Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015, nhưng chưa bố trí đủ vốn;

- Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020;

- Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2020.

***b) Rà soát danh mục các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực*** (ngày 01 tháng 01 năm 2015), chưa được bố trí vốn, nhưng đã có trong kế hoạch đầu tư được phê duyệt (được Thủ tướng Chính phủ và các cấp có thẩm quyền đồng ý bố trí vốn đầu tư công trong giai đoạn 2016-2020 để thực hiện). Đối với các dự án này được bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020, không phải thực hiện các thủ tục về thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại Luật Đầu tư công.

***c) Rà soát và dự kiến các danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020***

Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực (ngày 01 tháng 01 năm 2015), chưa được bố trí vốn và chưa có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các dự án khởi công mới thực hiện việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định dự án theo quy định tại Chương II của Luật Đầu tư công. Đồng thời, yêu cầu:

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch năm 2015 và trong giai đoạn 2016-2020 để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công.

- Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, điều kiện để tổ chức lập, thẩm định gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định tại mục 1, Chương II của Luật Đầu tư công.

- Căn cứ ý kiến phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, chuẩn bị tổ chức lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công theo quy định tại Chương II của Luật Đầu tư công.

**2. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020**

***a) Dự kiến phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020***

Trên cơ sở dự kiến khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (khả năng cân đối từng nguồn vốn theo hướng dẫn cụ thể tại mục lập kế hoạch từng nguồn vốn), dành lại dự phòng khoảng 15% kế hoạch vốn mỗi loại để xử lý các vấn đề phát sinh, cấp bách trong quá trình triển khai kế hoạch trung hạn, dự kiến phương án phân bổ 85% tổng số vốn theo quy định sau:

a.1) Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư cho các dự án đầu tư công khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại khoản c, điểm 1, mục IV trên đây và các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 (nếu có).

a.2) Bố trí vốn thực hiện dự án (đầu tư theo ngành, lĩnh vực), vốn cho từng dự án để giải phóng mặt bằng, lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán của dự án hoặc hạng mục của dự án và tổ chức thi công cho các dự án theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015.

- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 chuyển sang giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, trong đó: làm rõ số dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020.

- Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020, trong đó: làm rõ số dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020. Việc bố trí vốn kế hoạch các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 phải đáp ứng các quy định sau:

+ Ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015; thanh toán các khoản nợ đọng XDCB tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

+ Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo đúng quy định tại Luật Đầu tư công và của Chính phủ.

+ Bảo đảm bố trí đủ vốn giai đoạn 2016-2020 để hoàn thành dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

*Lưu ý:*

*- Đối với các dự án khởi công mới chưa phê duyệt quyết định đầu tư, trong kế hoạch đầu tư công trung hạn được phép bố trí cả vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án giai đoạn 2016-2020 để hoàn thành các thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và triển khai thực hiện theo quyết định đầu tư đã được phê duyệt.*

*- Đối với các dự án thuộc các chương trình bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương, đề nghị các Sở, ban ngành và các địa phương báo cáo kế hoạch trước ngày 31 tháng 12 năm 2014, đề xuất danh mục dự án đầu tư giai đoạn 2016-2020 theo chương trình thuộc các ngành, lĩnh vực, như nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp; giáo dục; khoa học công nghệ, văn hóa;... sắp xếp và lựa chọn thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư.*

b) Dự kiến các kết quả đạt được và các tồn tại, hạn chế trong phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

c) Đề xuất, kiến nghị và các giải pháp, chính sách triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

**3. Lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN 5 năm 2016-2020**

***a) Về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN 5 năm 2016-2020***

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách của các địa phương (không bao gồm tiền thu sử dụng đất): trong năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước phấn đấu tăng khoảng 10% so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao, trong các năm sau giao Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tình hình và triển vọng phát triển kinh tế và nguồn thu ngân sách địa phương và tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2016-2020 xác định cụ thể mức vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo hướng ưu tiên cho đầu tư phát triển, tăng bình quân hằng năm khoảng 7-10% so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao.

***b) Lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN***

Lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 phải thực hiện các nguyên tắc, tiêu chí dưới đây:

- Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN phải phù hợp với khả năng cân đối vốn NSNN trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại tiết a nêu trên, dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư.

- Bố trí vốn cho các chương trình, dự án phải thuộc chương trình, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

- Các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương khởi công mới phải được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn; các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương cấp nào, phải được cấp đó thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công.

- Ưu tiên bố trí vốn để hoàn trả các khoản vốn ứng trước, các khoản nợ xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN chốt đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- Phù hợp nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với địa phương phải tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn do Thủ tướng Chính phủ quyết định và cấp có thẩm quyền tại địa phương quyết định.

**4. Lập kế hoạch đầu tư nguồn vốn trái phiếu Chính phủ 5 năm 2016-2020**

***a) Đối với các chương trình, dự án đã được Quốc hội bố trí vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016***

Các Sở, ban ngành và các địa phương dự kiến kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 trên cơ sở nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đã được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung giai đoạn 2014-2016 còn lại như sau:

*a.1) Đối với các dự án giao thông, thủy lợi, y tế*

- Thực hiện theo đúng danh mục và mức vốn trái phiếu Chính phủ được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định bổ sung năm 2014-2016.

- Tập trung thanh toán dứt điểm các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- Bố trí đủ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2016 để thu hồi các khoản vốn trái phiếu Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước trong năm 2015 và các khoản ứng từ năm 2011 trở về trước chưa bố trí thu hồi tại kế hoạch các năm trước.

- Mức vốn TPCP kế hoạch năm 2016 bố trí cho từng dự án không được vượt quá số vốn kế hoạch giai đoạn 2014-2016 còn lại của từng dự án.

- Dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư công khác và huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác để bổ sung vốn cho các dự án sử dụng vốn TPCP triển khai dở dang nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

*a.2) Đối với các chương trình, dự án ODA:*

Ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 để đối ứng cho các chương trình, dự án ODA, trong đó: các địa phương phải chủ động sử dụng các nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và hỗ trợ phát triển vùng để cân đối vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA, không trông chờ vào nguồn hỗ trợ của Trung ương. Đề xuất vốn đối ứng nguồn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2016 cho các chương trình, dự án ODA chỉ tập trung cho một số chương trình, dự án trọng điểm, cấp bách, bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí dưới đây:

- Thuộc nhiệm vụ ngân sách trung ương chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng.

- Vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA kế hoạch năm 2016 nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân và bảo đảm các cam kết trong các Hiệp định đã ký và tiến độ, thực hiện các chương trình, dự án thật sự cần thiết và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này; trong đó: ưu tiên cho các dự án thuộc nhóm 6 ngân hàng phát triển, gồm: WB, ADB, JICA, KFW, AFD, KEXIMBANK cần đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn nước ngoài; các chương trình, dự án trọng điểm, cấp bách sử dụng vốn ODA cần đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn nước ngoài.

- Vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA để tập trung thực hiện các công việc: giải phóng mặt bằng; nộp thuế nhập khẩu, thuế VAT; ...

- Mức vốn đối ứng không được vượt quá tổng mức đối ứng nguồn ngân sách Trung ương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020.

- Không bố trí vốn đối ứng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ cho các chương trình, dự án ODA trong quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc trong hiệp định ký kết quy định phần vốn đối ứng sử dụng các nguồn vốn khác, không thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương.

***b) Đề xuất nhu cầu đầu tư các dự án quan trọng có tác động liên vùng, khu vực và toàn quốc sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020***

- Tổng hợp nhu cầu vốn trái phiếu Chính phủ để hoàn thành các dự án dở dang giai đoạn 2016-2020 (nếu có).

- Lựa chọn một số dự án mới (không đề xuất tràn lan nhiều dự án) trong giai đoạn 2017-2020 thực sự quan trọng, thúc đẩy sự phát triển chung và có tác động liên vùng, khu vực và toàn quốc và đề xuất nhu cầu sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020 báo cáo Chính phủ xem xét trình Quốc hội cho chủ trương.

**5. Lập kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước 5 năm 2016-2020**

Lập kế hoạch đầu tư vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước 5 năm 2016-2020 của từng nguồn thu cụ thể theo các nội dung dưới đây:

a) Kế hoạch thu hằng năm trong 5 năm 2016-2020 đối với từng nguồn thu cụ thể để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước (nếu có), như: thu xổ số kiến thiết, các khoản thu phí, lệ phí để lại cho đầu tư, lợi nhuận để lại cho Tập đoàn dầu khí,...

b) Dự kiến phương án phân bổ cụ thể đối với từng nguồn vốn theo các quy định về lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN 5 năm 2016-2020 theo quy định tại điểm 3 nêu trên.

c) Việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương theo đúng mục tiêu quy định của cấp có thẩm quyền đối với từng nguồn thu cụ thể.

**6. Lập kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước 5 năm 2016-2020**

Các Sở, ban ngành và các địa phương dự kiến kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước và vốn tín dụng đầu tư chính sách xã hội 5 năm 2016-2020 theo các nội dung dưới đây:

- Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước: dự kiến kế hoạch đầu tư các khoản vay đầu tư phát triển từ nguồn vốn trong nước, nguồn vốn ODA cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các quỹ đầu tư của địa phương (nếu có) trong giai đoạn 2016-2020.

- Dự kiến kế hoạch hoàn trả các khoản vốn vay, làm rõ các nguồn vốn hoàn trả các khoản vốn vay, trong đó: hoàn trả các khoản vốn vay cho các chương trình, dự án triển khai từ kế hoạch năm 2015 trở về trước, hoàn trả các khoản vốn vay cho các chương trình, dự án trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020.

**7. Kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2016-2020**

a) Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài 5 năm 2016-2020 trên cơ sở kế hoạch thực hiện chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiến độ cam kết với nhà tài trợ nước ngoài, trong đó làm rõ danh mục các dự án đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, danh mục các dự án sử dụng nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và danh mục các dự án vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

b) Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020 vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2016-2020 phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phải thể hiện các nội dung theo từng hợp phần; từng hoạt động chính của chương trình, dự án; từng nguồn vốn tài trợ, vốn đối ứng, các nguồn vốn khác; báo cáo thuyết minh cơ sở, căn cứ tính toán từng hạng mục;

- Đối với chương trình, dự án hỗn hợp sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp, cơ quan quản lý lập và trình kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn đối ứng chia theo từng nội dung chi của chương trình, dự án;

- Cân đối đủ vốn đối ứng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo cam kết với nhà tài trợ nước ngoài, phù hợp với khả năng giải ngân thực tế hằng năm của chương trình, dự án.

**8. Lập kế hoạch vốn vay khác của ngân sách địa phương (kể cả ngân sách cấp tỉnh)**

Căn cứ tình hình phát triển và khả năng huy động của từng huyện, thành phố, khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để hoàn trả các khoản vốn vay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến dự kiến mức vốn vay của ngân sách địa phương, nhưng không vượt quá tổng mức huy động theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Trong kế hoạch vốn vay khác của ngân sách địa phương cần làm rõ:

a) Khả năng huy động các nguồn vốn vay (nêu rõ các nguồn vốn vay) và sử dụng vốn vay khác của ngân sách địa phương theo từng năm trong 5 năm 2016-2020.

b) Kế hoạch bố trí vốn vay khác của ngân sách địa phương cho các dự án trong 5 năm 2016-2020. Trong đó yêu cầu:

- Việc bố trí vốn kế hoạch thực hiện theo quy định bố trí kế hoạch vốn đầu tư công, danh mục dự án phải thuộc danh mục các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương.

- Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 nguồn vốn này phải phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 và hoàn trả đúng hạn các khoản vốn vay.

d) Dự kiến kế hoạch bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác (nêu cụ thể nguồn vốn) hoàn trả các khoản trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vốn vay của ngân sách địa phương.

đ) Dự kiến dư nợ các khoản vốn vay của ngân sách địa phương đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**9. Biểu mẫu báo cáo:** Chi tiết theo các biểu mẫu đính kèm. Để thuận tiện trong quá trình tổng hợp và báo cáo theo đúng quy định của các Bộ ngành TW, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị các Sở, ban ngành và các địa phương báo cáo theo đúng quy định về các hàng, cột, đơn vị tính, dấu phân cách giữa hàng tỷ đồng và hàng triệu đồng là dấu chấm (.) không thêm bớt bất cứ hàng, cột và các đơn vị tính nào khác.

**C. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

1. Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 cho các Sở, ban ngành và các địa phương sau khi có Chị thị của UBND tỉnh (sau ngày 03/9/2014).

2. Các Sở, ban ngành và các địa phương tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015, lập kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2010 trong tháng 9 năm 2014.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tổ chức làm việc với các địa phương và các ngành về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và tham vấn các danh mục đầu tư trung hạn cấp tỉnh quản lý từ ngày 22/9 – 15/10/2014.

4. Báo cáo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 (kể cả dự kiến danh mục mới) từ ngày 25/10-30/10/2014.

5. Hoàn chỉnh báo cáo xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 (kể cả danh mục mới) trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh từ ngày 30/10-15/11/2014.

6. Hoàn chỉnh báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, danh mục công trình mới giai đoạn 2016 - 2020 trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại cuộc họp HĐND tháng 12/2014, để hoàn thiện báo cáo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính trước ngày 31/12/2014.

7. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các Sở, ban, ngành và các địa phương hoàn thiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 để trình UBND tỉnh xem xét theo quy định của Luật Đầu tư công và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30/6/2015.

8. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2010 báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 7 năm 2015.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;- UBND Tỉnh (báo cáo);- Lưu: VT, VP, QH-TH, KTN, LĐVX và HTĐT.D:\Trọng Quang\Kế hoạch Trung hạn 2016-2020\Văn bản hướng dẫn của tỉnh (ngày 03-9).docx | **GIÁM ĐỐC**(đã ký)**Trần Văn Tri** |

**DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU**

*(Kèm theo văn bản số 661/SKHĐT-QHTH ngày 04 tháng 9 năm 2014)*

Biểu mẫu số 1: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2011-2015 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020.

Biểu mẫu số 2: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2011-2015 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020 theo ngành, lĩnh vực.

Biểu mẫu số 3: Tổng hợp số dự án đầu tư công 5 năm 2011-2015 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020.

Biểu mẫu số 4: Tổng hợp số dự án đầu tư công quyết định đầu tư từ năm 2014 trở về trước chưa được bố trí vốn, dự án chậm tiến độ, dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020.

Biểu mẫu số 5: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu NSTW (vốn trong nước) 5 năm 2011-2015 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020.

Biểu mẫu số 6: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay, viên trợ (các dự án đưa vào cân đối ngân sách nhà nước) 5 năm 2011-2015 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020.

Biểu mẫu số 7: Tình hình thực hiện và giải ngân các dự án ứng trước vốn đầu tư ngân sách trung ương đến hết năm 2014 chưa bố trí nguồn để thu hồi.

Biểu mẫu số 8: Tổng hợp tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Biểu mẫu số 9: Danh mục các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Biểu mẫu số 10: Danh mục dự án sử dụng vốn trái phiếu chính phủ nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Biểu mẫu số 11: Tình hình thực hiện kế hoạch các chương trình mục tiêu quốc gia 5 năm 2011-2015 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020 chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

Biểu mẫu số 12: Tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chương trình mục tiêu quốc gia 5 năm 2011-2015 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020 chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

Biểu mẫu số 13: Tình hình thực hiện kế hoạch vốn trái phiếu chính phủ 5 năm 2011-2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016.

Biểu mẫu số 14: Danh mục các dự án bổ sung và điều chuyển kế hoạch hằng năm vốn trái phiếu chính phủ trong giai đoạn 2011-2014.

Biểu mẫu số 15: Nhu cầu bổ sung vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2017-2020 các dự án quan trọng có tác động liên vùng, khu vực và toàn quốc không thuộc danh mục bổ sung vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2014-2016.

Biểu mẫu số 16: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) 5 năm 2011-2015 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020.

Biểu mẫu số 17: Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn xổ số kiến thiết 5 năm 2011-2015 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020.

Biểu mẫu số 18: Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSĐP (vốn quảng cáo truyền hình, các khoản thu phí, lệ phí...) 5 năm 2016-2020.

Biểu mẫu số 19: Tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước 5 năm 2011-2015 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020.

Biểu mấu số 20: Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương 5 năm 2011-2015 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020.

 **Hệ thống biểu mẫu xin đăng tải tại trang thông tin điện tử Sở Kế hoạch và Đầu tư:** [**www.dpiqnam.gov.vn**](http://www.dpiqnam.gov.vn)

**Báo cáo gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo địa chỉ: 02 Trần Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và gửi qua thư điện tử theo địa chỉ** **qhth.dpiqn@gmail.com**